

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST
Ngày: 30-8-2022
“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thảo Ngoan**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Thạch Thanh Sơn**

2/ Ông **Trương Văn Kiển**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Hậu**

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:* Bà **Võ Thị Ngọc Hân**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lưu Toàn Đ**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 39 đường X, khóm Y, phường I, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thái T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ trình bày và yêu cầu như sau:

Ông Lưu Toàn Đ có quen biết với ông Nguyễn Thái T nên có cho ông T vay số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 11/8/2017. Trong quá trình ông T vay số tiền 400.000.000 đồng có trả lại cho ông tổng cộng 60.000.000 đồng (03 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng) sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại đơn khởi kiện ông Lưu Toàn Đ yêu cầu ông Nguyễn Thái T trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 340.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11 tháng 8 năm

2017 tạm tính là 50 tháng x 1,66%/tháng x 340.000.000 đồng = 282.200.000 đồng; yêu cầu ông Nguyễn Thái T trả số tiền lãi còn nợ trước đây là 140.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông Lưu Toàn Đ yêu cầu ông Nguyễn Thái T trả là 726.200.000 đồng.

Như vậy tại phiên hòa giải và công khai chứng cứ và tại phiên tòa ông Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu ông Nguyễn Thái T trả số tiền lãi còn nợ trước đây là 140.000.000 đồng; phần nợ gốc 340.000.000 đồng ông Đ rút một phần (Rút 40.000.000 đồng), nay chỉ còn yêu cầu 300.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 300.000.000 đồng này.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thái T có trách nhiệm trả số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 11/8/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2022 tính tròn là 60 tháng (ông tự nguyện tính đến ngày 11/8/2022) với mức lãi suất 1,66%, tương đương 300.000.000 đồng x 1,66% x 60 tháng là 298.800.000 đồng. Như vậy cả gốc và lãi ông Lưu Toàn Đ yêu cầu ông T trả là 598.800.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thái T đều vắng mặt các lần triệu tập của Tòa án nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thái T phải trả cho ông Lưu Toàn Đ số tiền 598.800.000 đồng (*Năm trăm chín mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng*). Trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và 298.800.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 30/8/2022. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ đối với phần tiền lãi 104.000.000 đồng và số tiền gốc 40.000.000 đồng. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Phía nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ trình bày và có yêu cầu như sau: Ông có cho ông Nguyễn Thái T số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 11/8/2017. Trong quá trình ông T vay số tiền 400.000.000 đồng có trả lại cho ông tổng cộng 60.000.000 đồng (03 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng) sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông khởi kiện ra Tòa án. Từ đó đủ căn cứ

xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn đã cung cấp các giấy biên nhận bản gốc và được phía bị đơn thừa nhận đã vay của nguyên đơn số tiền như nguyên đơn trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2020 nhưng có trả 60.000.000 đồng, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

Mặc khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ, quyết định đối chất, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp theo quy định để triệu tập bị đơn đến để làm rõ vấn đề có hay không việc bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thái T có trách nhiệm trả số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 11/8/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2022 tính tròn là 60 tháng (ông tự nguyện tính đến ngày 11/8/2022) với mức lãi suất 1,66%, tương đương 300.000.000 đồng x 1,66% x 60 tháng là 298.800.000 đồng. Như vậy cả gốc và lãi ông yêu cầu ông T trả là 598.800.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền lãi 104.000.000 đồng và số tiền gốc 40.000.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ xin rút lại với lý do số lãi 104.000.000 đồng này là lãi phát sinh từ số nợ gốc trong vụ án nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy việc xin rút yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463; 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ.

Buộc ông Nguyễn Thái T phải trả cho ông Lưu Toàn Đ số tiền 598.800.000 đồng (*Năm trăm chín mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng*). Trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và 298.800.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 30/8/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ đối với phần tiền lãi 104.000.000 đồng và số tiền gốc 40.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thái T phải chịu 27.952.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Lưu Toàn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thảo Ngoan